

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 7 - 2019

V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đức Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hoa

2. Bà Đỗ Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 19XX; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố XX, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; Nơi tạm trú: Tổ dân phố S, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 19XX; Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2019, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Sau khi tìm hiểu thì chị và anh Trần Văn H được sự đồng ý của hai bên gia đình đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 07/01/2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung được một thời gian thì mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H thường đi làm ăn xa nên mỗi người một nơi tình cảm phai nhạt dần, do vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Trần Văn H có 02 con chung là cháu Trần Huyền T, sinh ngày 20/11/20XX và Trần Anh Q, sinh ngày

04/10/20XX. Chị yêu cầu được nuôi cả 02 cháu T và Q. Chị và anh H đã bàn bạc và thống nhất với nhau anh H sẽ cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu T và Q mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Vì đây là trách nhiệm của người cha đối với con nên chị để anh H tự thực hiện việc cấp dưỡng mà chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung và về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn H mặc dù được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa án làm việc nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải. Tuy nhiên anh H có cung cấp cho Tòa án 01 Đơn trình bày ý kiến ngày 01/5/2019, với nội dung: Anh và chị K là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 01 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau và hiện không còn tình cảm nên nay chị K làm đơn xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Về con chung trong thời gian chung sống có 02 con chung là cháu Trần Huyền T, sinh ngày 20/11/20XX và Trần Anh Q, sinh ngày 04/10/20XX. Hiện tại 02 con chung sống với chị K nên để các con được ổn định ăn học. Anh đồng ý giao hai con cho chị K nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Mọi chi phí ăn học cho hai con anh chịu trách nhiệm hết, cứ hàng tháng anh gửi tiền đầy đủ về cho chị K lo cho con (chúng tôi đã thỏa thuận với nhau về mọi chi phí này). Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì. Đối với bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được cán bộ Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa thể hiện thái độ không hợp tác, không tôn trọng pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 36, 39, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Trần Văn H; Về con chung: Giao 02 cháu Trần Huyền T, sinh ngày 20/11/20XX và Trần Anh Q, sinh ngày 04/10/20XX cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xử lý

trong vụ án này; Về phần tài sản chung và nợ chung: Miễn xét; Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị K phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, chị Nguyễn Thị K nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Trần Văn H. Cùng với đơn khởi kiện chị K đã nộp kèm các tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện của chị K đầy đủ; Chị K và anh H đều cư trú tại huyện C, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn H đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 02 không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn H là đúng theo quy định của Pháp luật.

[2] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 07 tháng 01 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai, trên cơ sở tự nguyện không ai cưỡng ép hay ép buộc, cho nên Hội đồng xét xử xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Chị K cho rằng vợ chồng sống chung được một thời gian thì mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H thường đi làm ăn xa nên mỗi người một nơi tình cảm phai nhạt dần, chị K và anh H đã không sống chung với nhau từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay do vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn H. Tuy anh H có Đơn trình bày ý kiến ngày 01/5/2019 nhưng không đủ căn cứ do đó vẫn tiến hành xử. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị K là có thật, hôn nhân thực tế của anh chị không còn do đó căn cứ vào Điều 51, 58 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Trần Văn H.

[3] Về con Chung:

Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn H có 02 con chung là cháu Trần Huyền T, sinh ngày 20/11/20XX và Trần Anh Q, sinh ngày 04/10/20XX. Chị K có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu T và Q. Đồng thời từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay cả hai cháu đều ở với chị K và do chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu T và cháu Q đều có lời khai thể hiện có nguyện vọng ở với chị K. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Trần Huyền T, sinh ngày 20/11/20XX và Trần Anh Q, sinh ngày 04/10/20XX cho cho chị Nguyễn Thị K

trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K không yêu cầu cầu giải quyết nên nên Hội đồng xét xử miễn xét;

[5] Về phần tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét;

[6] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 36, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về con chung:

Giao 02 cháu Trần Huyền T, sinh ngày 20/11/20XX và Trần Anh Q, sinh ngày 04/10/20XX cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp với nguyện vọng của các con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung vào Công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm

ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0007774 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Chị K đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/7/2019), Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Ủy ban nhân dân thị trấn C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký và đóng dấu)

Vương Đức Phụng